

Số: 23/2020/QĐST - HNGĐ

Tam Đường, ngày 21 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Cao H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản Đ, xã Hồ, huyện T, tỉnh Lai Châu

Bị đơn: Chị Vàng Thị M, sinh năm 1991

Địa chỉ: Bản Đ, xã Hồ, huyện T, tỉnh Lai Châu

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Lai Châu. Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị T- Chức vụ Phó Giám đốc.

Căn cứ vào Điều 147 Điều 212; Điều 213/Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 54; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81; Điều 82;
Điều 83/Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số 39/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Cao H và chị Vàng Thị M.
2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Cao H và chị Vàng Thị M thuận tình ly hôn.

- Việc nuôi con: Anh Nguyễn Cao H và chị Vàng Thị M thỏa thuận được: Chị Vàng Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung gồm Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2011, Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2012 và Nguyễn Mai T, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Cao H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Cao H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Cao H và chị Vàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, cho vay chung:

+ Về nợ chung: Anh Nguyễn Cao H có trách nhiệm trả khoản vay 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cùng lãi suất phát sinh, mã món vay: 6600000714577236 vay ngày 22/3/2019; Chị Vàng Thị M có trách nhiệm trả khoản vay 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) cùng lãi suất phát sinh, mã món vay: 6600000714592330 vay ngày 22/3/2019 theo sổ vay vốn số mã KH: 7092644969 đều mang tên người vay Vàng Thị M cho Phòng giao dịch chính sách xã hội huyện T, tỉnh Lai Châu.

+ Cho vay chung: Anh Nguyễn Cao H và chị Vàng Thị M đều khai không ai nợ vợ chồng anh, chị.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9/Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Anh Nguyễn Cao H và chị Vàng Thị M mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Cao H tự nguyện nộp thay toàn bộ số tiền mà chị Vàng Thị M phải nộp. Tổng cộng anh Nguyễn Cao H phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Anh H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0003830 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, nay 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm, anh H được trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Đoàn Trung Phước

